

Số: 210/KH-MN

Tuần châu, ngày 28 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.;

Căn cứ Công văn số 2310/HD-SGDĐT-GDTCMN ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 10657/QĐ UBND ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố; Công văn số 1226/PGDĐT ngày 24/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2023 2024.

Căn cứ Kế hoạch số 169/KHCLPT-MN ngày 26/9/2023 của trường Mầm non Tuần Châu kế hoạch phát triển chiến lược nhà trường gia đoạn 2023-2028 tầm nhìn 2033;

Căn cứ tình hình thực tế địa phương, điều kiện thực tế nhà trường cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên số lớp, số trẻ; căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2023 - 2024 những kết quả đã đạt được của năm học;

Căn cứ biên bản họp thống nhất triển khai xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình GDMN năm học 2024-2025 ngày 26/8/2024, Trường mầm non Tuần Châu họp dự thảo xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025,

I. BỐI CẢNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao về chuyên môn, nghiệp vụ của phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa

phương đối với công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đặc biệt là công tác huy động trẻ mầm non ra lớp. Trong những năm gần đây công tác huy động trẻ ra lớp nhà trẻ đạt 40%; mẫu giáo đạt từ 95% trở lên, đặc biệt trẻ 5 - 6 tuổi đạt 100%.

Trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB,GV,NV) trẻ, khỏe, nhiệt tình, đoàn kết, biết giúp nhau cùng tiến bộ. Trong những năm qua nhà trường thường xuyên tạo điều kiện cho CB,GV,NV tham gia nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Đây là nguồn nhân lực khá dồi dào để tham gia vào các hoạt động nâng cao chất lượng của nhà trường.

- Trình độ dân trí tại địa phương đã được nâng cao nên việc đầu tư, quan tâm, chăm lo cho việc học của con em, nhất là lứa tuổi mầm non rất được cha mẹ học sinh đặc biệt quan tâm.

- Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

- Công tác xã hội hoá giáo dục đã có chuyển biến tích cực, công tác chăm sóc và giáo dục của nhà trường luôn được sự quan tâm của Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt luôn được sự chỉ đạo tận tình của Phòng GDĐT thành phố Hạ Long, các ban ngành đoàn thể của UBND phường Tuần Châu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng đảm bảo nhu cầu của đơn vị.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” “ Trường học Hạnh phúc; Lớp học hạnh phúc” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng Thành phố Hạ Long trú trọng việc phát triển đổi mới giáo dục nói chung và GDMN nói riêng giúp giáo viên có nhiều cơ hội được tham quan, học tập, vận dụng phù hợp vào kế hoạch phát triển chương trình và đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường đề ra một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

1.2. Thách thức

- Nhu cầu của xã hội đối với chất lượng giáo dục ngày càng cao, trong khi các điều kiện thực hiện và đảm bảo nâng cao chất lượng của trường còn hạn chế.

- Chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời cho CBGVNV trong nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Là một phường xa trung tâm thành phố, trên địa bàn có 01 trường Mầm non công lập; đa số phụ huynh làm nghề nuôi trồng thủy sản và làm du lịch công việc không ổn định; Nhận thức về công tác giáo dục trong một bộ phận cha mẹ học sinh

còn hạn chế, thiếu tính phối hợp; Một số phụ huynh đi làm ăn xa, vẫn còn có gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, nên một số phụ huynh chưa quan tâm đến con cái.

- Nhà trường có 01 Phó Hiệu trưởng; công tác bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường MN có bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục 100% giáo viên có trình độ chuẩn chuyên môn nghiệp vụ trong đó 90% trên chuẩn tuy nhiên năng lực giảng dạy còn hạn chế so với trình độ, chưa tương xứng với trình độ đào tạo; kỹ năng giảng dạy còn hạn chế; một số giáo viên có tuổi ngại đổi mới, có sức ì trong công tác, việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giảng dạy, tính sáng tạo, chủ động của một số giáo viên còn nhiều hạn chế.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh

- Cơ sở vật chất của nhà trường hằng năm được cải tạo, tu sửa, bổ sung khang trang, có đủ phòng học và các công trình vệ sinh khép kín; sân chơi rộng rãi, thoáng mát; ĐDDC-TBDH đảm bảo đáp ứng cho công tác CS-GD-ND trẻ.

- Trường có tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên chi bộ độc lập. Đặc biệt Chi bộ đã lãnh đạo toàn diện nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Có đầy đủ các ban, bộ phận và hoạt động đúng chức năng.

- Trường có đủ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ của trường. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có trình độ đạt chuẩn 100% và trên chuẩn 90% (GV) theo Điều lệ trường mầm non, nhiệt tình trong công tác, có năng lực chuyên môn, yêu nghề, tận tụy với công việc được giao. Tập thể nhà trường đoàn kết, có tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau

Trường Mầm non Tuần Châu xây dựng, phát triển và trưởng thành của nhà trường thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ từ 25 tháng đến 6 tuổi, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích, được các cấp ghi nhận và khen tặng bằng khen, giấy khen cho tập thể và các cá nhân xuất sắc. Năm học 2022- 2023 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức độ 3.

2.1.1. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường Chi bộ: Gồm có 09 đảng viên; Tổ chức công đoàn gồm 16 đoàn viên, Ban chấp hành công đoàn gồm 3 thành viên; Chi đoàn TNCSHCM gồm 8 đoàn viên. Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

2.1.2. Về quy mô trường, lớp và trẻ em: Năm học 2025-2024, Trường có 01 điểm trường với tổng số 8 nhóm, lớp (02 nhóm trẻ và 06 lớp mẫu giáo); toàn trường có 187 trẻ /8 lớp trong đó nhà trẻ 39 trẻ/02 lớp; mẫu giáo 148 trẻ /6 lớp.

2.1.3. Cơ sở vật chất

Trường có quy mô diện tích rộng 5588,4 m² ở địa thế đẹp giao thông đi lại thuận tiện, nhà trường khang trang, có hệ thống phòng học, khối phòng chức năng phục vụ cho

việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đầy đủ, các công trình được xây dựng kiên cố, đủ số phòng cho 8 nhóm lớp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; trường có 01 phòng nghệ thuật cho trẻ hoạt động âm nhạc; có 01 phòng vi tính với 03 bộ máy tính cho trẻ học tập làm quen với công nghệ thông tin; các phòng được trang bị đầy đủ điều kiện về bàn ghế, ánh sáng, quạt mát, thiết bị văn phòng, y tế; nhà trường có hệ thống bếp ăn một chiều trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ công tác bán trú thuận lợi cho công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; có 04 lớp học được Sở GD&ĐT trang bị thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi thông minh trong đó 02 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi và 02 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi giúp trẻ tích cực hoạt động phát triển kỹ năng đáp ứng tốt cho nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên và học sinh trong các hoạt động giáo dục. Nhà trường bố trí khu vườn cổ tích cho trẻ trải nghiệm và vui chơi; có đầy đủ các phòng chức năng; sân chơi bố trí diện tích làm sân bóng cho trẻ chơi; có đầy đủ các đồ chơi ngoài trời, có khu vực vui chơi, hoạt động lễ hội ngoài trời, có vườn rau cho bé thăm quan và chăm sóc cây.

2.1.4. Đội ngũ

- Tổng số 16 CB,GV,NV. Trong đó: Cán bộ quản lý: 02; Giáo viên: 10; Nhân viên: 4
- Về trình độ đào tạo: Cán bộ quản lý , giáo viên: Đại học 12: 0 Cao đẳng:0; Trung cấp 0: Nhân viên 4: Trung cấp 4- Dân tộc thiểu số 01:

- 100% CB,GV,NV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; 100% nhân viên có trình độ đạt chuẩn (trừ nhân viên lao công và bảo vệ). Chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ CB,GV,NV nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt nội quy, quy định của ngành cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm, nhiều giáo viên có bề dày kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết với nghề, yêu trẻ, tích cực đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, có những đồng chí cán bộ, giáo viên là cốt cán của ngành. Chính vì vậy, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, xây dựng được niềm tin của bà con trên địa bàn xã đối với nhà trường.

Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường hằng năm luôn duy trì đạt từ 60%-90%, cấp thành phố 40% - 45%, nhiều cô giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nhận Giấy khen của Ủy ban nhân dân thành phố, Giấy khen của Sở GD&ĐT, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trong những năm học vừa qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chi bộ, CBQL, sự đoàn kết, nỗ lực của CB,GV,NV; sự quan tâm, chỉ đạo của phòng GD&ĐT, của cấp ủy chính quyền địa phương và sự vào cuộc của các bậc phụ huynh, tập thể nhà trường đã đạt được nhiều thành tích nhiều năm đạt tập thể lao động tiên tiến, năm 2021 và năm

2022 đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc. Năm 2023 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3.

2.2. Điểm yếu

- Dân cư đóng trên địa bàn có mật độ dân số thấp, trẻ em trong độ tuổi đến trường ít so với các phường khác trên địa bàn thành phố; dân cư chủ yếu làm nghề du lịch, nghề nông, đánh bắt hải sản nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển quy mô trường lớp của nhà trường, đặc biệt là ảnh hưởng rất lớn của dịch bệnh, thiên tai....

- Số ít giáo viên còn chưa thực sự cố gắng trong việc tự bồi dưỡng nâng cao CNTT chủ yếu cũng do tuổi cao ngại thay đổi, hạn chế về năng lực cá nhân. Giáo viên trẻ chiếm đa số nên giáo viên đang trong độ tuổi sinh con đông, đôi khi cũng ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự.

II. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tâm nhìn

Phấn đấu xây dựng Trường Mầm non Tuần Châu trở thành ngôi trường Hạnh phúc, xây dựng môi trường an toàn thân thiện, hạnh phúc, xanh - sạch - đẹp, phát triển toàn diện là trung tâm giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để nhân dân gửi gắm con em mình.

2. Sứ mệnh

Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, trường học hạnh phúc, triển khai và thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non nhằm góp phần phát triển toàn diện cho trẻ về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, năng động và sáng tạo.

3. Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc, trẻ hạnh phúc với phương châm “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, **tự tin, chia sẻ, đoàn kết, hợp tác làm việc nhóm, có lòng yêu thương, giúp đỡ và biết ơn cuộc sống**, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; **bước đầu cho trẻ làm quen với các phương tiện công nghệ**

hiện đại theo nhu cầu, khả năng của trẻ; đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chương trình giáo dục Nhà trẻ

- Giúp trẻ 25 - 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và thẩm mỹ

a. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹn nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

b. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

c. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

d. Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2.1.1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của trường.

- Thời gian tựu trường 05/9/2029
- Thời gian thực học: Từ 9 /9/2024 đến 23/5/2025

- Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.2. Chế độ sinh hoạt

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ

- Trẻ 24 - 36 tháng tuổi: Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi	
Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

* NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

a. Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	630 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại trường: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. Bữa sáng cung cấp khoảng 10% - 15% nhu cầu năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 lít – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ: Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi; Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

c. Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân; Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn: Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. Phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng. Đảm bảo an toàn cho trẻ và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2.2. Mục tiêu mẫu giáo

Nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học, *hình thành năng lực, phẩm chất để trở thành công dân toàn cầu*

a. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có kỹ năng phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

c. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

d. Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.-
Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

d. Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

2.2.1. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày tại trường một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

+ *Trẻ mẫu giáo: Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa*

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

* NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

a. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.* + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 650 - 726 Kcal.* - Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ. + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. Bữa sáng cung cấp khoảng 10% - 15% nhu cầu năng lượng cả ngày. + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:* Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa
- Nhà trường thường xuyên thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn để tăng phần hứng thú, giúp trẻ tự giác xúc cơm, ăn ngon miệng, ăn hết suất như : Tổ chức ăn bữa cơm gia đình (sử dụng đồ dùng bằng sứ, sử dụng nĩa...) cho trẻ ở khối MG Lớn ; ăn cơm khay, ăn cải thiện cho MG Nhỡ và Lớn vào thứ 6 cuối tuần, cuối tháng; tổ chức cho trẻ ăn Buffet nhân dịp các ngày lễ, vui hội...

b. Tổ chức ngủ: Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

c. Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân. Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

2.2.2. Chăm sóc sức khỏe và an toàn:

Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

Phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng. Đẩy mạnh tuyên truyền với CMHS Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

IV. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nội dung giáo dục

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với

ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

2. Phương pháp giáo dục

- Nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm - sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi". Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

V. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁC ĐỘ TUỔI

1. Kế hoạch giáo dục trẻ nhà trẻ 25 - 36 tháng

2. Kế hoạch giáo dục trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi

3. Kế hoạch giáo dục trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi

4. Kế hoạch giáo dục trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với CBQL

- Xây dựng kế hoạch giáo dục các độ tuổi phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp, trẻ, căn cứ vào tình hình điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp, thực hiện dẫn dắt trẻ, tránh tổ chức các hoạt động đông trẻ

- Chỉ đạo các lớp xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của lớp của trẻ lớp mình phụ trách; Chỉ đạo các lớp thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng

- Thường xuyên kiểm tra, duyệt kế hoạch giáo dục các lớp theo quy định, chỉ đạo giáo viên đánh giá kế hoạch tại nhóm lớp, xây dựng điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp

2. Đối với nhóm lớp

- Căn cứ kế hoạch giáo dục các độ tuổi do lớp phụ trách, căn cứ khả năng nhận thức của trẻ xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày theo quy định

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng đảm bảo đúng quy định về thời gian năm học

- Đánh giá điều chỉnh kế hoạch kịp thời, thực hiện tuần 1/9 (Thực học)

VII. ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích đánh giá

- Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

- Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

- Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Thời điểm đánh giá

- Đánh giá trẻ hàng ngày

- Đánh giá trẻ theo giai đoạn

- Đánh giá trẻ cuối độ tuổi

3. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.

- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.

- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

- Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ dựa thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);

- BGH nhà trường (để t/h);

- Các tổ chuyên môn, giáo viên các lớp (để t/h)

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hoài

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024-2025
ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 24 - 36 THÁNG TUỔI

STT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	Bé và các bạn	4 Tuần	09/9/2024 -> 04/10/2024	Ngày hội đến trường Tết trung thu
2	Đồ dùng - Đồ chơi của Bé	4 Tuần	07/10/2024 -> 01/11/2024	
3	Các Bác, Các Cô trong nhà trẻ	4 Tuần	04/11/2024 ->29/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
4	Những con vật đáng yêu	3 Tuần	02/12/2024- >20/12/2024	Ngày thành lập quân đội nhân dân
5	Cây và những bông hoa đẹp	3 Tuần	23/12/2024-> 10/01/2025	
6	Mùa xuân của bé	3 Tuần	13/01/2025 -> 14/02/2025	
Nghỉ tết (27/01/2025 đến 08/02/2025)				
7	Mẹ và những người thân yêu của bé	4Tuần	17/02/2025 -> 14/03/2025	Ngày hội Bà,Mẹ,Cô Giáo 8/3
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông gì	4 Tuần	17/03/2025 -> 11/04/2025	
9	Mùa hè đến rồi	3Tuần	14/04/2025 -> 02/05/2025	
10	Bác Hồ kính yêu	2 Tuần	05/5/2025 -> 16/5/2025	Ngày sinh nhật Bác
11	Bé lên mẫu giáo	1 Tuần	19/5/2025 -> 23/5/2023	

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 - 2024**

ĐỘ TUỔI: 24 - 36 THÁNG

Lĩnh vực phát triển	Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
1. Phát triển thể chất	a) Phát triển vận động		
	MT 1	<p><i>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</i></p> <p>+ Trẻ trai: Chiều cao: 81,7cm - 103,5cm. Cân nặng: 9,7kg - 18,3kg.</p> <p>+ Trẻ gái: Chiều cao: 80,0cm - 102,7cm. Cân nặng: 9,1kg - 18,1kg.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ dinh dưỡng hợp lí. - Tổ chức khám sức khỏe định kì. - Cân đo và vào biểu đồ tăng trưởng. - Đánh giá trạng thái dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng. + Phối hợp với cha mẹ học sinh để có những biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.
	MT 2	<p><i>- Trẻ thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp theo hiệu lệnh.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện các động tác phát triển hô hấp, động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai, động tác phát triển cơ bụng, lưng, động tác phát triển cơ chân
	MT 3	<p><i>- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô</i></p>	<p>- Tập đi, chạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đi theo hiệu lệnh + Đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Đứng co 1 chân + Chạy theo hướng thẳng.
	MT 4	<p><i>-Trẻ giữ được thăng người khi đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện một số bài tập đi trong đường hẹp mang vật trên tay
	MT 5	<p><i>- Biết thực hiện phối hợp vận động tay mắt, tung bắt bóng</i></p>	<p>- Tập tung, bắt:</p>

Phát triển thể chất		<i>với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1 - 1.2m.</i>	+ Tung - bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích.
	MT 6	<i>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.</i>	+ Bò về phía trước + Bò chui qua cổng + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.
	MT 7	<i>- Trẻ có thể trườn theo hướng thẳng</i>	+ Trườn theo hướng thẳng + Trườn qua vật cản
	MT 8	<i>- Trẻ có khả năng phối hợp một số bộ phận của cơ thể để bật</i>	- Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. + Bật về phía trước. + Bật xa bằng 2 chân.
	MT 9	<i>- Trẻ thể hiện sức mạnh cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)</i>	+ Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Ném xa về phía trước bằng 1 tay tối thiểu 1,5m.
	Tập cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt.		
	MT 10	<i>- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay và thực hiện “múa khéo”.</i>	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật.
	MT 11	<i>- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.</i>	- Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Chơi với đất nặn - Vẽ tổ chim...

Phát triển thể chất	MT 12	<i>- Trẻ biết xếp chồng 6-8 khối không đổ</i>	- Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối
	b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
	Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.		
	MT 13	<i>- Trẻ có thể thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác nhau.</i>	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện tốt nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tổ chức ăn theo chế độ sinh hoạt hàng ngày.
	MT14	<i>Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.</i>	Một số món ăn quen thuộc như cơm, cháo, canh...
	MT 15	<i>- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.</i>	- Các điều kiện cho trẻ ngủ trưa. - Tổ chức ngủ 1 giấc trưa.
	MT 16	<i>- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.</i>	- Các kỹ năng đi vệ sinh. - Vệ sinh đúng cách. - Các quy định khi đi vệ sinh.
	MT 17	<i>- Trẻ biết thực hiện một số thói quen tốt trong sinh hoạt.</i>	- Một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt; lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác, cất ghế đúng nơi quy định.
	Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		
MT 18	<i>- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn như lấy nước uống, đi vệ sinh....</i>	- Các công việc tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	

			- Một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
	MT 19	<i>- Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.</i>	- Tập các thao tác: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
	MT 20	<i>- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giêng nước...)</i>	- Một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần khi được nhắc nhở.
	MT 21	<i>- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo treo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn) khi được nhắc nhở.</i>	- Một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.
2.Giáo dục phát triển nhận thức	a) Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.		
	Luyện tập phối hợp các giác quan: thị giác thính giác, khứu giác, vị giác.		
	MT 22	- Trẻ thích khám phá đồ vật để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
	MT 23	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sử dụng các giác quan để sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.
	b) Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói.		
	Nhận biết một số bộ phận trên cơ thể con người		
	MT 24	<i>- Trẻ biết gọi tên và nói được chức năng của một số bộ phận cơ thể (mắt, mũi, tai, miệng, chân tay, đầu) khi được hỏi.</i>	- Một số bộ phận của cơ thể con người: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.

		- Cách bảo vệ một số bộ phận cơ thể người.
MT 25	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Các trò chơi thao tác vai với những hành động của những người gần gũi.
Bản thân, người gần gũi		
MT 26	- Trẻ có thể nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Cách nói tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân
MT 27	- Trẻ có thể nói được tên và công việc của một số người gần gũi trong gia đình khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Cách nói tên và công việc của một số người gần gũi trong gia đình khi được hỏi.
MT 28	- Trẻ biết tên cô giáo và một số bạn trong lớp	- Cô giáo và các bạn trong lớp. - Cách hỏi tên cô giáo và một số bạn trong lớp. - Cách giới thiệu tên của mình.
Một số đồ dùng đồ chơi:		
MT 29	- Trẻ biết sử dụng được một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	- Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Thao tác với các đồ chơi quen thuộc.
MT 30	- Trẻ biết dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi.	- Một số đồ vật thay thế trong trò chơi - Cách sử dụng đồ vật thay thế trong trò chơi.
Một số phương tiện giao thông quen thuộc:		
MT 31	- Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.

Một số con vật, hoa quả quen thuộc:			
MT 32	<i>- Trẻ nhận biết được một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa, quả, cây cối, con vật gần gũi (màu sắc, hình dạng và công dụng...)</i>	- Tên và đặc điểm nổi bật của đồ vật, con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.	
Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian			
MT 33	<i>- Trẻ nhận biết và phân biệt hình vuông, hình tròn, hình tam giác</i>	- Các hình: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác. - Các đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác	
MT 34	<i>- Trẻ có thể chỉ ra/ nói tên hoặc cất, hoặc lấy đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu</i>	- Các đồ vật, đồ chơi có kích thước to - nhỏ ở xung quanh trẻ.	
MT 35	<i>- Trẻ có thể chỉ ra/ nói tên hoặc cất, hoặc lấy đúng đồ chơi màu cơ bản (đỏ, vàng, xanh) theo yêu cầu.</i>	- Các đồ vật, đồ chơi có màu đỏ, vàng, xanh ở xung quanh trẻ.	
MT 36	<i>- Trẻ biết một số vị trí trên không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.</i>	- Vị trí trong không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.	
MT 37	<i>- Trẻ nhận ra và phân biệt được số lượng 1 và nhiều.</i>	- 1 và nhiều	
Nghe, hiểu lời nói			
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	MT 38	<i>- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.</i>	- Nghe các từ chỉ tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Thực hiện nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”
	MT 39	<i>- Trẻ biết trả lời được câu hỏi: ai đây? cái gì đây? làm gì? thế nào?...</i>	- Lắng nghe và hiểu một số câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?(ví dụ con gà gáy như

		thế nào)
MT 40	<i>- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và các hành động của các nhân vật</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các câu chuyện có nội dung ngắn gọn. - Các câu hỏi đơn giản về tên truyện, tên, các hành động của nhân vật trong truyện. - Cách trả lời câu hỏi về tên truyện, tên và các hành động của các nhân vật.
Khả năng nói		
MT 41	<i>- Trẻ biết phát âm rõ tiếng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các từ đơn giản trong giao tiếp hàng ngày và những từ chỉ các đối tượng gần gũi xung quanh trẻ. - Cách phát âm rõ tiếng.
MT 42	<i>- Trẻ có thể đọc được thơ, ca dao, đồng dao có 3-4 tiếng dưới sự giúp đỡ của cô.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè có 3-4 tiếng. - Cách thể hiện các bài thơ, ca dao, đồng dao ngắn.
MT 43	<i>- Trẻ biết kể lại truyện ngắn quen thuộc theo tranh với sự giúp đỡ của người lớn..</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số truyện ngắn quen thuộc có tranh minh họa. - Cách kể lại đoạn truyện ngắn quen thuộc có tranh.
MT44	<i>- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hành động, đặc điểm quen thuộc.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các câu đơn, câu đơn giản có 5-7 tiếng gần gũi với trẻ. - Các từ thông dụng chỉ sự vật hành động, đặc điểm quen thuộc. - Cách nói các câu đơn giản và cách nói rõ, chính xác các từ thông dụng và chỉ sự vật hành động, đặc điểm quen thuộc.
MT 45	<i>- Trẻ biết chào hỏi, trò chuyện.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số câu chào hỏi lễ phép. - Thái độ khi chào hỏi, trò chuyện với mọi người. - Cách chào hỏi, trò chuyện với

		người khác.
MT 46	- Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm: con gì đây? Cái gì đây?	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?... - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Cách hỏi về các vấn đề quan tâm: con gì đây? Cái gì đây?
MT 47	- Trẻ biết bày tỏ nhu cầu bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhu cầu của bản thân trẻ. - Cách thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
MT 48	- Trẻ có thể diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Các yêu cầu đơn giản hàng ngày gần gũi với trẻ. - Cách thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
MT 49	- Trả lời được câu hỏi: Để làm gì? Tại sao?	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu được câu hỏi: Để làm gì? Tại sao? - Cách trả lời câu hỏi: Để làm gì? Tại sao?
MT 50	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Cách nói to, đủ nghe, lễ phép. - Sử dụng được những từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn: Con chào cô ạ....
Làm quen với sách		
MT 51	- Thích nghe người khác đọc sách	<ul style="list-style-type: none"> - Một số loại sách phù hợp với trẻ. - Thái độ của trẻ đối với sách. - Cách lắng nghe khi người lớn đọc sách.
MT 52	- Biết xem sách và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động	<ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng sách: Cách cầm sách, cách giở sách, cách đọc sách

		<i>gần.</i>	từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ đầu đến cuối.. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.
4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	Phát triển tình cảm, ý thức về bản thân.		
	MT 53	<i>- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình.</i>	- Một số thông tin về bản thân trẻ : Tên, tuổi, giới tính, học lớp, tên bố mẹ, cô giáo và một số người thân gần gũi... - Cách nói một vài thông tin về bản thân trẻ.
	MT 54	<i>- Trẻ biết thể hiện được điều mình thích và không thích.</i>	- Những điều trẻ thích và không thích. - Cách thể hiện điều mình thích và không thích.
	MT 55	<i>- Trẻ biết thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.</i>	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt trong nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào đúng nơi quy định.
	Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với người thân và sự vật gần gũi		
	MT 56	<i>- Trẻ thích chơi cùng bạn, không tranh giành đồ chơi.</i>	- Chơi thân thiện với bạn : chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
	MT 57	<i>- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.</i>	- Cách giao tiếp với những người xung quanh bằng lời nói, cử chỉ. - Cách thể hiện sự thích thú khi giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
	MT 58	<i>- Trẻ có thể nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi...</i>	- Một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi... - Cách nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.

MT 59	<i>- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. - Cách thể hiện và bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
MT 60	<i>- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số con vật gần gũi - Quan tâm đến các con vật nuôi gần gũi - Bắt chước tiếng kêu của một số con vật nuôi gần gũi
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
MT 61	<i>- Trẻ biết chào hỏi, tạm biệt cảm ơn, vâng, dạ.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hành vi văn minh như : Chào hỏi, tạm biệt, cảm ơn, vâng, dạ. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”: chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
MT 62	<i>- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế em, khuấy bột cho em, nghe điện thoại...)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các trò chơi thao tác vai (trò chơi giả bộ) : <ul style="list-style-type: none"> + Nấu cho bé ăn. + Cửa hàng. + Ru em bé ngủ... + Khám bệnh cho bé. + Nghe điện thoại. + Bán hàng... - Cách chơi các trò chơi và cách thể hiện hành vi đơn giản qua các trò chơi giả bộ.
MT 63	<i>- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh		

	MT 64	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát hay bản nhạc quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số bài hát đơn giản và bản nhạc quen thuộc với trẻ - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc: nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
	MT 65	- Trẻ thích tô màu, vẽ tranh, xé dán, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc bằng bút sáp, phấn).	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tô màu, vẽ tranh, xé dán, xếp hình, xem tranh. - Các hoạt động tô màu, vẽ tranh, xé dán, xếp hình, xem tranh. - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh gần gũi với trẻ.
	MT 66	- Trẻ thích chơi với đất nặn, sử dụng đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Đất nặn an toàn phù hợp với trẻ. - Các kỹ năng chơi với đất nặn và cách sử dụng đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản: bóp, nắn, lăn, xoay tròn.... và tạo ra một số sản phẩm đơn giản.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2024- 2025
ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	THỜI GIAN	CÁC SỰ KIỆN
1	Trường mầm non	4 Tuần	Từ ngày 9/9/2024 Đến 04/10/2024	- Ngày hội đến trường - Trung thu
2	Bản thân	3 Tuần	Từ ngày 07/10/2024 Đến 25/10/2024	
3	Gia đình	4 Tuần	Từ ngày 28/10/2024 Đến 22/11/2024	- Ngày nhà giáo Việt Nam
4	Nghề nghiệp	4 Tuần	Từ ngày 25/11/2024 Đến 20/12/2024	- Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam
5	Thế giới động vật	3 Tuần	Từ ngày 23/12/2024 Đến 10/01/2025 (KTHK I)	
6	Tết - Mùa xuân	2 Tuần	Từ ngày 13/01/2025 Đến 24/01/2025	- Tết nguyên đán
<i>Ngỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/2/2025</i>				
7	Thế giới thực vật	4 tuần	Từ ngày 10/02/2025 Đến 07/03/2025	- Ngày hội của các bà các mẹ
8	Phương tiện và quy định giao thông	4 Tuần	Từ ngày 10/3/2025 đến Đến 04/4/2025	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	4 Tuần	Từ ngày 07/4/2025 Đến 02/5/2025	
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	3 Tuần	Từ ngày 05/5/2025 Đến 23/5/2025	- Ngày sinh nhật Bác

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 – 2025
ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	<i>PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG</i>		
	MT 1	<p><i>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</i></p> <p>+ Cân nặng:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg . Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg <p>+ Chiều cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm . Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm 	<p>+ Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.</p> <p>+ Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm.</p> <p>+ Cân đo trẻ mỗi quý một lần đối với trẻ phát triển bình thường, mỗi tháng/lần đối với trẻ suy dinh dưỡng và béo phì.</p> <p>+ Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.</p> <p>+ Thông báo kịp thời với các bậc phụ huynh về kết quả cân đo của trẻ.</p> <p>+ Phối hợp với cha mẹ học sinh để có những biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.</p>
	MT 2	<p><i>- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp</i></p>	<p><i>- Các động tác phát triển hô hấp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật. <p><i>- Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa tay lên cao, ra phía trước, dang ngang. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.

		<ul style="list-style-type: none"> + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước, ra phía sau. + Từng tay đưa lên cao hai tay dang ngang. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Đứng, cúi về trước. + Đứng nghiêng người sang 2 bên. + Đứng quay người sang 2 bên. + Đứng cúi về phía trước ngả người ra sau. + Đứng nghiêng người sang bên kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. - Các động tác phát triển cơ chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. + Bật tại chỗ, bật tách chụm chân. + Co duỗi chân + Nhún chân + Đứng từng chân đưa lên trước, sau, ngang. + Đứng nâng cao chân, gập gối...
MT 3	- Trẻ có thể giữ thăng bằng cơ thể đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số bài tập đi, đi trong đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
MT 4	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi đi kiễng gót liên tục 3m	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số bài tập đi kiễng gót, đi kiễng gót liên tục 3 m.
MT 5	- Trẻ kiểm soát được vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số bài tập đi nhanh, đi chậm, đi/chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
MT 6	- Trẻ có thể đi/ chạy được liên tục trong đường dích dắc (3,4	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện bài tập đi/chạy thay đổi hướng trong đường dích dắc (3- 4

	<i>điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.</i>	điểm) không chệch ra ngoài, đi thay đổi hướng theo đường đích dắc.
MT 7	<i>- Trẻ thể hiện sự nhanh nhẹn chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng.</i>	- Thực hiện bài tập chạy nhanh, chạy chậm, chạy theo hướng thẳng 15m.
MT 8	<i>- - Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động tung bắt bóng với cô.</i>	- Thực hiện một số bài tập tung bóng lên cao bằng 2 tay, tung bóng cho cô, bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay.
MT 9	<i>- Trẻ có thể tự đập và bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).</i>	- Thực hiện một số bài tập phát triển tay, Đập và bắt bóng bằng 2 tay với cô, đập và bắt bóng bằng 2 tay.
MT 10	<i>- Trẻ thể hiện sự mạnh, khéo ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</i>	- Thực hiện một số vận động ném, ném xa bằng 1 tay, ném xa bằng 2 tay.
MT 11	<i>- Trẻ phối hợp tay mắt ném trúng đích ngang bằng 1 tay, (xa 1,5m).</i>	- Một số bài tập ném, ném xa, ném trúng đích bằng một tay.
MT 12	<i>- Trẻ có thể chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</i>	- Thực hiện một số bài tập chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.
MT 13	<i>- Trẻ có thể bước lên, xuống bục cao 30cm.</i>	- Thực hiện một số bài tập bước lên xuống các bậc thang, bước lên, xuống bục cao (cao 30 cm)
MT 14	<i>- Trẻ biết phối hợp chân tay bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</i>	- Thực hiện một số bài tập phát triển vận động bò, bò theo hướng thẳng, bò trong đường hẹp (3m x 0,4m), bò trong đường đích dắc.
MT 15	<i>- Trẻ có khả năng phối hợp giác quan và vận động bò chui qua cổng.</i>	- Thực hiện một số bài tập bò chui qua cổng (40 x 40cm), bò chui dưới dây
MT 16	<i>- Trẻ biết phối hợp chân tay nhịp nhàng trong vận động trườn theo hướng thẳng.</i>	- Thực hiện một số bài tập trườn về phía trước, trườn theo hướng thẳng, trườn chui dưới dây, trườn chui dưới cổng

MT 17	- Trẻ có khả năng phối hợp tay, chân nhịp nhàng, giữ được thăng bằng cơ thể khi bật xa 25 cm.	- Thực hiện một số vận động bật nhảy tại chỗ, bật tiến về phía trước, bật xa 20- 25 cm
MT 18	- Trẻ có thể tung, bắt bóng 3 lần không rơi bóng(khoảng cách 2,5m).	- Thực hiện một số bài tập lăn bóng với cô, tung bắt bóng với cô khoảng cách 2,5m.
MT 19	- Trẻ có thể tự đập bóng và bắt bóng 3 lần liên tiếp.	- Thực hiện bài tập đập bóng và bắt bóng
MT 20	- Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay, ngón tay.	- Cuộn, xoay tròn cổ tay - Gập, đan các ngón tay - Vo, xoáy, xoắn, búng ngón tay, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, .
MT 21	- Trẻ có thể vẽ được hình tròn theo mẫu.	- Cách cầm bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc theo ý thích, theo yêu cầu. - Vẽ hình tròn theo mẫu.
MT 22	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt cắt thẳng được 1 đoạn 10cm	- Sử dụng kéo. - Cắt theo hướng dẫn.
MT 23	- Trẻ biết xếp chồng 10-12 khối không đổ	- Xếp chồng các hình khối khác nhau theo yêu cầu. - Xếp chồng các hình khối khác nhau theo ý thích.
MT 24	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt tự cài và cởi cúc	- Tự cài, cởi cúc. - Các cử động của đôi bàn tay; lắp ghép các hình; xâu lòn các hạt; cài, cởi khuy áo, kéo khóa.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
MT 25	- Trẻ có thể nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức	- Nhận biết một số thực phẩm khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau,..).

		<i>khỏe</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số món ăn quen thuộc - Các loại thực phẩm lành mạnh tốt cho sức khỏe
	MT 25A (MTP TCT)	<i>Trẻ biết tên một số món ăn đặc sản của Thành phố Hạ Long và giá trị dinh dưỡng của các món ăn đó.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các món ăn hải sản - Giá trị dinh dưỡng
	MT 26	<i>- Trẻ biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày. - Một số thức ăn có thể gây ngộ độc. - Ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. - cách ăn uống đúng để không bị hoác sặc - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)
	MT 27	<i>- Trẻ có thể làm được một số công việc vệ sinh đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đánh răng, súc miệng, lau mặt. - Những đồ dùng cần thiết để bé súc miệng, lau mặt. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
	MT 28	<i>- Trẻ có thể tháo tất, cởi quần, áo dưới sự giúp đỡ của người lớn.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tháo tất, cởi quần, áo. - Tập tháo tất, cởi quần áo khi bẩn, ướt.
	MT 29	<i>- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ca, bát, cốc, thìa... khi nào. - Cách trẻ cầm bát, thìa. - Cách bảo quản bát, thìa, cốc...

MT 30	<i>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Uống nước đã đun sôi. - Mời cô, mời bạn khi ăn. - Không đùa nghịch trong khi ăn.
MT 31	<i>- Trẻ có một số thói quen, hành vi tốt trong ăn uống và vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn hết khẩu phần ăn, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
MT 32	<i>-Trẻ có thể rửa được tay với sự giúp đỡ của người lớn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập rửa tay bằng xà phòng.
MT 33	<i>- Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục phù hợp với thời tiết. - Dấu hiệu khi bị ốm
MT33 A	<i>Trẻ thực hiện được một số hành vi thói quen đảm bảo an toàn cho bản thân về phòng chống đuối nước (MTPT chương trình)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thói quen mặc đồ bơi khi đi tắm biển, cần có người lớn đi cùng, không chơi gần ao hồ, sông suối.
MT 34	<i>- Trẻ biết nói với người lớn khi đau, chảy máu.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện đơn giản khi bị ốm (ho, sốt, đau đầu, đau răng...) - Nói với người lớn khi ốm, đau, chảy máu. - Cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị ốm, bị thương hay bị đe dọa.
MT 35	<i>- Trẻ nhận được ra và không chơi một số vật dụng nguy hiểm, nơi</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng:

		<i>nguy hiểm khi được nhắc nhở.</i>	phích nước, ổ cắm, dao, bàn là, cành cây.. - Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm: hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi,... - Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.
	MT 36	<i>- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.</i>	- Không đi ra khỏi khu vực trường khi không có cô giáo và người thân. - Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn.
	MT 37	<i>- Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép</i>	- Tìm hiểu các tình huống khi được người lạ cho quà. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
	MT 38	<i>- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp, biết kêu cứu và gọi người giúp đỡ</i>	- Nhận biết nơi nguy hiểm (cháy, nước ngập....). - Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Bị đau, bị lạc, bị khóa trái trong nhà, bị bỏ quên trên xe....) - Hành động tự bảo vệ.
	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
PHÁT TRIỂN TÌNH	MT 39	<i>- Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.</i>	- Tên, tuổi của bé. - Giới tính.
	MT 40	<i>- Trẻ nói được điều bé thích và không thích.</i>	- Những điều bé thích và không thích. - Khả năng của bé. - Những việc bé không nên làm.
	MT 41	<i>- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động. Mạnh dạn khi</i>	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.

CẢM		<i>trả lời câu hỏi.</i>	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động trong sinh hoạt, trong giao tiếp, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.
	MT 42	<i>- Trẻ cố gắng hoàn thành các công việc đơn giản được giao.</i>	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao: xếp đồ chơi, chia giấy vẽ...
	MT 43	<i>- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt.</i>	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc, (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ...) qua lời nói, nét mặt, cử chỉ và giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
	MT 44	<i>- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.</i>	- Kính yêu Bác Hồ - Thích xem hình ảnh về Bác, nghe/hát các bài hát về Bác - Thích nghe đọc thơ, kể chuyện, xem tranh về Bác.
	MT 45	<i>- Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước</i>	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Nhận ra hình ảnh Vịnh Hạ Long qua tranh ảnh, phim.
KĨ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG XÃ HỘI		
	MT 46	<i>- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình và nơi công cộng.</i>	- Một số quy định ở lớp, gia đình: cất đồ dùng, đồ chơi vào nơi quy định, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép...
	MT 47	<i>- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.</i>	- Cử chỉ, lời nói lễ phép với người lớn. - Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Thể hiện sự xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, cúi đầu, sợ hãi, khóc).
	MT 48	<i>- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn</i>	- Lắng nghe cô và bạn nói.

		<i>nói.</i>	
	MT 49	<i>- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</i>	- Chờ đến lượt. - Chơi hòa thuận với bạn bè. - Tham gia chơi với bạn theo nhóm.
	MT 50	<i>- Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.</i>	- Chủ động nói chuyện, trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi. - Kể cho bạn, cô giáo, bố mẹ những chuyện vui buồn.
	MT 51	<i>- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.</i>	- Nhận biết hành vi đúng sai, tốt xấu với môi trường. - Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.
	MT 52	<i>- Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường</i>	- Bỏ rác đúng nơi qui định. - Tiết kiệm điện nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	NGHE VÀ HIỂU LỜI NÓI		
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	MT 53	<i>- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản</i>	- Nghe và hiểu được 2 - 3 yêu cầu đơn giản. - Hiểu và thực hiện được 2 - 3 yêu cầu đơn giản.
	MT 54	<i>- Trẻ hiểu được nghĩa của một số từ khái quát gần gũi: rau, quả, con vật, đồ gỗ..</i>	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
	MT 55	<i>- Trẻ lắng nghe và trả lời với người đối thoại.</i>	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?
	SỬ DỤNG LỜI NÓI TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY		
	MT 56	<i>- Trẻ có thể nói rõ các tiếng</i>	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. - Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý câu hỏi.

	MT 57	<i>- Trẻ biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.</i>	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động trong giao tiếp.
	MT 58	<i>- Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép.</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
	MT 59	<i>- Trẻ kể lại được sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.</i>	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Kể lại sự việc.
	MT 60	<i>- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</i>	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao theo chủ đề. - Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ điệu bộ bài thơ, đồng dao đơn giản.
	MT 61	<i>- Trẻ có thể kể lại chuyện đơn giản và bắt trước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.</i>	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. - Đóng kịch, diễn rối theo lời dẫn truyện của giáo viên.
	MT 62	<i>- Trẻ biết sử dụng các từ như: vâng ạ, dạ thưa trong giao tiếp.</i>	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
	MT 63	<i>- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.</i>	- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp với tình huống giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
	LÀM QUEN VỚI ĐỌC, VIẾT		
	MT 64	<i>- Trẻ biết tự giờ sách xem tranh</i>	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cách cầm sách, mở sách, đọc sách. - Đọc sách, truyện theo ý thích.

	MT 65	<i>- Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Trò chuyện về các nhân vật trong tranh, truyện.
	MT 66	<i>- Trẻ thích vẽ, “Viết ” nguệch ngoạc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tô, đồ theo ý thích. - Vẽ, “Viết ” theo ý thích.
	MT 67	<i>Trẻ biết chọn sách, sử dụng sách.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn sách theo ý thích để xem. - Chọn sách theo chủ đề nào đó khi được yêu cầu. - Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn sách.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
	MT 68	<i>- Trẻ có thể nói được các bộ phận trên cơ thể của mình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ thể của bé. - Các giác quan của bé.
	MT 69	<i>- Trẻ thích khám phá đồ vật.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách dùng đồ vật, đồ chơi của bản thân, trong gia đình, ở lớp học...
	MT 70	<i>- Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng, của một số phương tiện giao thông quen thuộc và một số quy định giao thông đơn giản.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Một số quy định giao thông đơn giản.
	MT 71	<i>- Trẻ nhận biết một số đặc điểm nổi bật, ích lợi, cách chăm sóc, bảo vệ: cây cối, hoa quả... quen thuộc, gần gũi</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên , đặc điểm, lợi ích, môi trường sống của cây cối, hoa quả quen thuộc. - Cách chăm sóc, bảo vệ cây cối.
	MT 72	<i>- Trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con người, cây với môi trường sống của chúng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ giữa con người, cây và môi trường sống. - Tạo nhóm theo dấu hiệu rõ nét về màu sắc, kích thước..
	MT 73	<i>- Trẻ nhận biết một số đặc điểm</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên con vật gần gũi xung quanh.

	<i>nổi bật, ích lợi, cách chăm sóc, bảo vệ những con vật gần gũi.</i>	- Đặc điểm, lợi ích và tác hại của một số con vật - Cách chăm sóc, bảo vệ: vật nuôi.
MT 74	<i>- Trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống của chúng.</i>	- Mối liên hệ giữa con vật và môi trường sống.
MT 75	<i>- Trẻ nhận biết một số hiện tượng nắng, mưa nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt trẻ.</i>	- Tên các hiện tượng tự nhiên gần gũi. - Ảnh hưởng của thời tiết với Bé.
MT 76	<i>- Trẻ nhận ra những dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</i>	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
MT 77	<i>Trẻ biết một số mùa trong năm.</i>	- Tên các mùa trong năm. - Thời tiết các mùa. - Sinh hoạt của con người với các mùa trong năm.
MT 78	<i>- Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</i>	- Các nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.
MT 79	<i>- Trẻ biết 1 số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</i>	- Nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT 80	<i>- Trẻ biết 1 vài đặc điểm, tính chất của đất, cát, đá, sỏi..</i>	- Nhận biết đất, đá, cát, sỏi..
MT 81	<i>- Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật</i>	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật,... theo 1 dấu hiệu. - Phân loại phương tiện giao thông theo đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu.
MT 82	<i>- Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo</i>	- Nói về đặc điểm, những dấu hiệu nổi bật của đối tượng quan sát.

MT 83	<i>- Trẻ biết thể hiện 1 số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm. - Các hoạt động góc, hoạt động nhóm: xây dựng công trình.. - Các sản phẩm cá nhân của trẻ. - Cách vận động của trẻ.
<i>KHÁM PHÁ XÃ HỘI</i>		
MT 84	<i>- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Sở thích của bản thân.
MT 85	<i>- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình sống. - Các hoạt động của gia đình.
MT 86	<i>- Trẻ có hiểu biết về trường, lớp, đồ dùng đồ chơi khi được hỏi, trò chuyện.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên trường, lớp, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn của bé; đồ dùng, đồ chơi của lớp. - Các hoạt động của bé ở trường, lớp.
MT 87	<i>- Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến quen thuộc.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi một số nghề gần gũi, phổ biến. - Sản phẩm một số nghề. - Lợi ích của các nghề.
MT 88	<i>- Trẻ có thể kể được tên, của một số ngày lễ hội trong trường mầm non và tại địa phương.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu một số ngày lễ hội: Khai giảng, Trung thu, tết nguyên đán.... - Các hoạt động của ngày hội, ngày lễ.
MT 89	<i>- Trẻ biết cờ tổ quốc, tên một vài danh lam, thắng cảnh của địa phương.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết cờ tổ quốc. - Một số cảnh đẹp của thành phố Hạ Long. - Một số di tích lịch sử của Hạ Long - Sự kiện văn hóa của địa phương.

		- Một số di tích lịch sử của đất nước.
MT 90	- Trẻ biết một số qui định giao thông đơn giản.	- Một số qui định giao thông đường bộ - Một số hành vi đúng, sai khi tham gia giao thông.
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
MT 91	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm vệt, đếm các ngón tay - Đếm theo khả năng. - Đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5. - Nhận biết 1 và nhiều.
MT 92	- Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau. - Sử dụng đúng các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT 93	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Đếm các nhóm đối tượng trong phạm vi 5. - Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
MT 94	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 5.	- Đếm các nhóm đối tượng trong phạm vi 5. - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.
MT 95	- Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	- Xếp tương ứng 1 - 1 . - Ghép đôi.
MT 96	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ. - Xếp theo yêu cầu.
MT 97	- Trẻ có thể nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng.	- So sánh kích thước của 2 đối tượng: To- nhỏ. Cao - thấp, Dài - ngắn, rộng - hẹp. - Sử dụng các từ: to hơn-nhỏ hơn, dài

			hơn-ngắn hơn, cao hơn-thấp hơn, bằng nhau, rộng hơn-hẹp hơn.
	MT 98	<i>- Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình.</i>	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép các hình theo ý thích.
	MT 99	<i>- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</i>	- Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân. - Nhận biết các hướng: phía trên - phía dưới; phía trước – phía sau của bản thân mình.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	ÂM NHẠC		
	MT 100	<i>- Trẻ thích hát, nghe nhạc.</i>	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.
	MT 101	<i>- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, bài hát.</i>	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.
	MT 102	<i>- Trẻ biết hát kết hợp với vận động: nhún nhảy, giậm chân, vỗ tay...</i>	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).
	MT 103	<i>- Trẻ biết cách sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp, theo phách, theo tiết tấu.</i>	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm...
	MT 104	<i>- Trẻ biết cách chơi các trò chơi âm nhạc.</i>	- Các trò chơi âm nhạc
	MT 105	<i>- Trẻ biết thể hiện khả năng</i>	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe

	<i>sáng tạo khi tham gia các hoạt động Âm nhạc.</i>	<p>các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm...của bài hát, bản nhạc yêu thích.
TẠO HÌNH		
MT 106	<i>- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo 1 sản phẩm đơn giản, có sự gợi ý.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, gọi tên, lựa chọn nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình. - Sử dụng các nguyên liệu để tạo ra sản phẩm đơn giản dưới sự hướng dẫn của người lớn.
MT 107	<i>- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, nét cong, nét xiên, nét ngang. Phối hợp các nét vẽ, tô màu để tạo thành bức tranh đơn giản.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các nét thẳng, nét cong, nét xiên, nét ngang tạo thành bức tranh đơn giản theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích. - Sử dụng kỹ năng tô màu bức tranh cho sinh động.
MT 108	<i>- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản theo ý thích, theo yêu cầu. - Dán các đồ vật, con vật, hoa quả
MT 109	<i>- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn đất, ấn dẹt đất nặn. Phối hợp các thao tác lăn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối đơn giản.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn dọc, xoay tròn đất, ấn dẹt đất nặn tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối đơn giản theo ý thích, theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích.
MT 110	<i>- Trẻ có thể xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành những sản phẩm có cấu trúc đơn giản.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp các khối gỗ để tạo thành các sản phẩm. - Xếp bằng các hình, hạt hạt.
MT 111	<i>- Trẻ biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu nhận xét sản phẩm của mình một cách đơn giản. - Nói tên sản phẩm tạo hình của bản thân, của bạn dựa vào ý thích (hình ảnh) trong sản phẩm. - Giữ gìn sản phẩm.

	MT 112	- Trẻ có thể thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.	<ul style="list-style-type: none">- Hát vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
--	---------------	---	---

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2024- 2025
ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	THỜI GIAN	CÁC SỰ KIỆN
1	Trường mầm non	4 Tuần	Từ ngày 9/9/2024 Đến 04/10/2024	- Ngày hội đến trường - Trung thu
2	Bản thân	3 Tuần	Từ ngày 07/10/2024 Đến 25/10/2024	
3	Gia đình	4 Tuần	Từ ngày 28/10/2024 Đến 22/11/2024	- Ngày nhà giáo Việt Nam
4	Nghề nghiệp	4 Tuần	Từ ngày 25/11/2024 Đến 20/12/2024	- Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam
5	Thế giới động vật	3 Tuần	Từ ngày 23/12/2024 Đến 10/01/2024 (KTHK I)	
6	Tết - Mùa xuân	2 Tuần	Từ ngày 13/01/2025 Đến 24/01/2025	Tết nguyên đán
<i>Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/2/2025</i>				
7	Thế giới thực vật	4 tuần	Từ ngày 10/02/2025 Đến 07/3/2025	Ngày quốc tế phụ nữ
8	Phương tiện và quy định giao thông	4 Tuần	Từ ngày 10/3/2025 đến Đến 04/4/2025	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	4 Tuần	Từ ngày 07/4/2025 Đến 02/5/2025	
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	3 Tuần	Từ ngày 05/5/2025 Đến 23/5/2025	- Ngày sinh nhật Bác

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 – 2024
ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 1	<i>PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG</i>	
		<p><i>- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</i> + Cân nặng của trẻ - Trẻ trai : 14,1-24,2 kg - Trẻ gái : 13,7 - 24,9 kg + Chiều cao của trẻ : - Trẻ trai : 100,7 - 119,2 cm - Trẻ gái : 99,9 - 118,9 cm</p>	<p>- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm. - Cân đo trẻ mỗi quý một lần đối với trẻ phát triển bình thường ; theo dõi 1 lần/tháng đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.</p>
	MT 2	<p><i>- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:</i></p>	<p><i>- Các động tác phát triển hô hấp:</i> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. <i>- Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> + Đưa hai tay lên cao ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vổ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau trên đầu) + Đánh xoay tròn bả vai <i>- Các động tác phát triển: Lưng, bụng, lườn:</i> + Đứng cúi về phía trước, ngửa ra sau + Đứng quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. <i>- Các động tác phát triển cơ chân:</i></p>

		<ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Đứng, lần lượt từng chân, co cao đầu gối
MT 3	- Trẻ có thể đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Một số bài tập bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
MT 4	- Trẻ có thể đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Một số bài tập giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.
MT 5	- Trẻ có thể đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Một số bài tập: Đi, chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu ,vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).
MT 6	- Trẻ có thể chạy được liên tục 15m trong khoảng 10s.	- Các bài tập chạy liên tục theo hướng thẳng 15m.
MT 7	- Trẻ biết bật xa 35 – 40 cm.	- Một số bài tập bật tại chỗ, bật xa 30 - 40 cm.
MT 8	- Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 30-35cm.	- Một số bài nhảy xuống từ độ cao 30-35cm.
MT 9	- Trẻ có thể nhảy lò cò 3m.	- Các bài tập nhảy lò cò.
MT 10	- Trẻ biết bò qua 3-4 điểm đích dắc cách nhau 2 m đúng yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số bài tập bò bằng bàn tay, cẳng chân. - Bài tập phối hợp vận động và định hướng trong không gian bò theo đường đích dắc, không chệch ra ngoài. - Khéo léo bò chui qua cổng, ống dài.
MT 11	- Trẻ có thể trườn theo hướng thẳng.	- Các bài tập trườn theo hướng thẳng.
MT 12	- Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,2m so với mặt đất.	- Các bài tập trèo qua ghế dài, trèo lên xuống thang.

MT 13	- Trẻ có thể tung, bắt bóng với người đối diện (Cô/bạn): Bắt được 3 lần không rơi bóng (khoảng cách 3m).	- Một số bài tập đập và bắt bóng liên tiếp, chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT 14	- Trẻ biết tự đập và bắt bóng 4- 5 lần liên tiếp.	- Đập và bắt bóng.
MT 15	- Trẻ thực hiện được động tác ném trúng đích thẳng đứng(xa 1,5m cao 1,2m).	- Một số tập bài ném trúng đích thẳng.
MT 16	- Trẻ biết ném trúng đích ngang(xa 2 m)	- Một số tập bài ném trúng đích ngang.
MT 17	- Trẻ thực hiện được các cử động khéo léo của đôi bàn tay	- Cuộn, xoay tròn cổ tay, gập mở các ngón tay. - Các trò chơi dân gian. - Vận động cuộn, xoay tròn cổ tay, gập mở các ngón tay.
MT 18	- Trẻ có thể vẽ được hình nhà, người, cây.	- Tô, vẽ theo chủ đề. - Tô màu theo ý thích, theo yêu cầu.
MT 19	- Trẻ có thể cắt thành thạo theo đường thẳng.	- Cắt, xé theo yêu cầu, theo ý thích. - Cắt, xé theo đường thẳng.
MT 20	- Trẻ biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối gỗ.	- Một số hoạt động xây dựng lắp ráp khối gỗ, xếp hình, xếp chồng, xếp cạnh.
MT 21	- Trẻ biết gập giấy dưới sự hướng dẫn của người lớn.	- Gập giấy theo ý thích. - Gập giấy theo mẫu. - Gập theo yêu cầu.
MT 22	- Trẻ biết tết sợi đôi dưới sự giúp đỡ của người lớn.	- Tết sợi đôi theo ý thích. - Tết theo mẫu.
MT 23	- Trẻ biết tự cài cúc, buộc dây giày.	- Một số bài tập rèn sự khéo léo của đôi bàn tay: cài cời cúc, khâu buộc dây giày.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG SỨC KHỎE		
MT 24	- Trẻ nhận biết được 1 số thực phẩm cùng nhóm thông thường.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.

MT 25	- Trẻ nói được tên 1 số món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Nhận biết tên một số món ăn hàng ngày của bé. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT 25A (MTPTC T)	<i>Trẻ biết tên một số món ăn đặc sản của Thành phố Hạ Long và giá trị dinh dưỡng của các món ăn đó.</i>	- Các món ăn hải sản - Giá trị dinh dưỡng
MT 26	- Trẻ biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Các bữa ăn trong ngày của trẻ tại nhà trường và gia đình. - Ích lợi của thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe.
MT 27	- Trẻ biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 28	- Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng.	- Các đồ dùng cần có khi rửa tay. - Các bước rửa tay. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.
MT 29	- Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.	- Tập rửa mặt, chải răng hàng ngày. - Các đồ dùng cần có khi chải răng, rửa mặt.
MT 30	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 31	- Trẻ có 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	- Nhận biết 1 số thói quen tốt cho sức khỏe. - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
MT31A	<i>Trẻ thực hiện được một số hành vi thói quen đảm bảo an toàn cho bản thân về phòng chống đuối nước (MTPT chương trình)</i>	- Thói quen mặc đồ bơi khi đi tắm biển, cần có người lớn đi cùng, không chơi gần ao hồ, sông suối.

MT 32	<i>- Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn sức khỏe, vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số thói quen tốt cho sức khỏe. - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
MT 33	<i>- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số kỹ năng tự phục vụ: cầm bát, xúc thìa..
MT 34	<i>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hành vi văn minh trong ăn uống(Trẻ biết mời cô, bạn trước khi ăn, ăn từ tốn..)
MT 35	<i>- Trẻ biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không uống nước lã.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của rau, thức ăn đối với sức khỏe. - Nước uống hợp vệ sinh, cách uống nước hợp lý trong ngày.
MT 36	<i>- Trẻ nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Cách phòng tránh bệnh tật.
MT 37	<i>- Trẻ lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết và ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục phù hợp thời tiết. - Cách lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết.
MT 38	<i>- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hành động giữ vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
MT 39	<i>- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm (Bàn là, bếp đun, phích nước...) - Biết các vật sắc nhọn, vật nguy hiểm không nên sờ, nghịch...
MT 40	<i>- Trẻ nhận biết 1 số hành động gây nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt... - Không leo trèo bàn ghế, lan can... - Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.

	MT 41	- Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết một số khu vực có thể gây nguy hiểm (hồ, ao, sông, suối..) - Nhận biết một số nơi mất vệ sinh.
	MT 42	- Trẻ biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	- Không đi theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Một số trường hợp không an toàn.
	MT 42A (MTPTC T)	Trẻ biết bảo vệ bản thân khi có nguy cơ bị xâm hại	- Quy tắc đồ bơi - Quy tắc 5 ngón tay - Quy tắc 4 vòng tròn - Hành động và phản ứng khi cơ thể bị xâm hại. - Cách thoát khỏi nguy cơ bị xâm hại.
	MT 43	- Trẻ nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp (cháy, có người rơi xuống nước, bị lạc...) - Kêu cứu và gọi người giúp đỡ.
	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KĨ NĂNG XÃ HỘI	MT 44	- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính, sở thích. - Khả năng của bản thân. - Tên bố mẹ và một số thành viên trong gia đình. - Số điện thoại của bố mẹ.
	MT 45	- Trẻ nói được những điều bé thích và không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Những điều bé thích và không thích. - Khả năng của bé.
	MT 46	- Trẻ tự chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích.	- Chọn đồ chơi bé yêu thích. - Chơi các trò chơi theo sở thích của bé.
	MT 47	- Trẻ cố gắng hoàn thành các công việc đơn giản được giao.	- Các công việc hàng ngày của bé. - Công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...)

MT 48	- Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
MT 49	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Trẻ chơi thân thiện với bạn bè. - Quan tâm, an ủi bạn bè... - Chúc mừng người thân, bạn ... vào ngày sinh nhật, ngày lễ. - Vui mừng, cổ vũ khi người thân, bạn bè gặp chuyện vui...
MT 50	- Trẻ thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT 51	- Trẻ quan tâm cảnh đẹp tự nhiên, lễ hội, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội quê hương, đất nước.
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
MT 52	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Nội qui lớp học. - Qui tắc ứng xử trong gia đình. - Quy tắc ứng xử(Nụ cười Hạ Long) - Hành vi văn minh nơi công cộng.
MT 53	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Câu nói, cử chỉ đẹp trong giao tiếp.
MT 54	- Trẻ biết chú ý khi cô, bạn nói.	- Thái độ và hành động của bé khi giao tiếp với các bạn và người lớn.
MT 55	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Lắng nghe khi người khác nói. - Chờ đến lượt, hợp tác
MT 56	- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật...)

	MT 57	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Không bẻ cành, ngắt hoa.	- Nhận biết hành vi đúng sai, tốt xấu với môi trường. - Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.
	MT 58	- Trẻ có ý thức không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt điện khi ra khỏi phòng.	- Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Tiết kiệm điện nước.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE		
	MT 59	- Trẻ thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp.	- Lắng nghe và hiểu được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Hiểu và thực hiện 2 - 3 yêu cầu.
	MT 60	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ..	- Rau, quả, con vật, đồ gỗ..... thông thường là những gì? - Cho trẻ nghe, hiểu từ chỉ đặc điểm, công dụng, tác dụng của các từ: Rau, củ, quả, đồ gỗ... - Hiểu nghĩa khái quát từ: Rau, quả, con vật, đồ gỗ....
	MT 61	- Trẻ chú ý lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.
	MT 62	- Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	MT 63	- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nghe kể chuyện đọc thơ theo chủ đề.
	MT 64	- Trẻ nghe hiểu các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe truyện, thơ, đồng dao, ca dao
	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI		
MT 65	- Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Nói rõ ràng, mạch lạc. - Sử dụng từ ngữ phù hợp với nội dung cần hỏi, nói chuyện....	

MT 66	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Các từ chỉ sự vật. - Các từ chỉ đặc điểm. - Các từ chỉ hoạt động.
MT 67	- Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày.
MT 68	- Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản theo trình tự.	- Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe. - Kể lại các sự việc, hiện tượng đã gặp, đã xảy ra. - Kể lại sự việc theo trình tự thời gian. - Kể lại câu chuyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.
MT 69	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao theo chủ đề. - Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ điệu bộ bài thơ, đồng dao đơn giản.
MT 70	- Trẻ có thể bắt trước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.
MT 71	- Trẻ biết sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Các từ biểu thị sự lễ phép. - Cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
MT 72	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp với tình huống giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
MT 73	- Trẻ có thể thể hiện lại câu chuyện dưới hình thức đóng kịch	- Đóng kịch dưới sự giúp đỡ của cô
LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC VÀ VIẾT:		
MT 74	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Chọn sách để xem theo ý thích. - Chọn sách theo yêu cầu.

	MT 75	<i>- Trẻ làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số kí hiệu trong cuộc sống. - Các kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, cấm hút thuốc.... - Những nơi thường có các kí hiệu.
	MT 76	<i>- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh, mô tả hành động của nhân vật trong tranh. - Đóng kịch. - Diễn đối.
	MT 77	<i>- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. - Phân biệt mở đầu và kết thúc của sách.
	MT 78	<i>- Trẻ biết “ Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt).</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ tự “ đọc”, “ đọc” sách theo ý thích. - “ Đọc” truyện qua tranh vẽ. - Đọc sáng tạo theo trí tưởng tượng của trẻ.
	MT 79	<i>- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “Viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kí hiệu để “Viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...
	MT 80	<i>- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
	MT 81	<i>- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn và bảo vệ sách.
	<i>KHÁM PHÁ KHOA HỌC</i>		
PHÁT TRIỂN	MT 82	<i>- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, thích tìm hiểu các giác quan, bộ phận cơ thể con người.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Các giác quan trên cơ thể con người. - Các bộ phận trên cơ thể con người.
	MT 83	<i>- Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết về tên gọi, đặc điểm, công dụng đồ dùng đồ chơi. - Cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
	MT 84	<i>- Trẻ nhận biết 1 số mối liên hệ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số mối liên hệ đơn

NHẬN THỨC		<i>đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</i>	giản giữa cách sử dụng với cấu tạo của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.
	MT 85	<i>- Trẻ có một số hiểu biết về phương tiện giao thông gần gũi.</i>	- Đặc điểm của 2-3 phương tiện giao thông. - Công dụng 2-3 phương tiện giao thông.
	MT 86	<i>- Trẻ biết đặc điểm, ích lợi, tác hại và các chăm sóc con vật gần gũi.</i>	- Đặc điểm, ích lợi, tác hại và cách chăm sóc các con vật gần gũi. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật..với môi trường sống.
	MT 87	<i>- Trẻ có hiểu biết về tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối, hoa, quả quen thuộc.</i>	- Đặc điểm, ích lợi, tác hại và cách chăm sóc, bảo vệ: cây cối, hoa quả... quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa các cây..với môi trường sống.
	MT 88	<i>- Trẻ biết so sánh, phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu nổi bật.</i>	- So sánh, phân loại đồ dùng đồ chơi, các phương tiện giao thông. - So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại: Hoa, quả, cây... theo 1,2 dấu hiệu.
	MT 89	<i>- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống và thời tiết.</i>	- Các mùa trong năm. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa. - Ảnh hưởng của thời tiết đối với sinh hoạt con người.
	MT 90	<i>- Trẻ có hiểu biết về hiện tượng ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời.</i>	- Nhận biết ngày và đêm. - Tìm hiểu mặt trăng, mặt trời. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	MT 91	<i>- Trẻ có hiểu biết về nước và các nguồn nước.</i>	- Các nguồn nước trong môi trường sống (nước mưa, nước máy, nước giếng, ...) - Một số đặc điểm, tính chất, lợi ích của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

MT 92	<i>- Trẻ có hiểu biết về không khí và ánh sáng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí, Các nguồn ánh sáng. - Sự cần thiết của không khí, ánh sáng với con người. - Cách sử dụng ánh sáng phù hợp.
MT 93	<i>- Trẻ biết 1 vài đặc điểm, tính chất của đất, cát, đá, sỏi..</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đất, đá, cát, sỏi.. - Ích lợi và cách sử dụng đất, đá, cát sỏi..
MT 94	<i>- Trẻ có giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả một cách đơn giản các sự vật hiện tượng trong cuộc sống hàng ngày.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm: nước, không khí, đất đá, cát, sỏi... - Mối quan hệ nguyên nhân – kết quả các sự vật hiện tượng trong cuộc sống hàng ngày. - Cách sử dụng câu: vì... nên khi giải thích sự việc.
<i>KHÁM PHÁ XÃ HỘI</i>		
MT 95	<i>- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động giới thiệu về bản thân. - Một số thông tin về bản thân. - Điểm giống, khác nhau giữa bé và các bạn. <li style="color: red;">- Nhận biết quy tắc 5 ngón tay.
MT 96	<i>- Trẻ biết họ tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về các thành viên trong gia đình của bé. - Nơi sống. - Các hoạt động của gia đình. - Nhu cầu gia đình.
MT 97	<i>- Trẻ nói được tên địa chỉ của trường lớp, khi được hỏi, trò chuyện.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên lớp, tên trường, tên cô giáo. - Địa chỉ của trường bé. - Đồ dùng đồ chơi trong lớp của bé.
MT 98	<i>Trẻ nói được tên và một số công việc của cô giáo, các bạn và các cô, bác trong trường, khi được hỏi, trò chuyện.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên cô giáo, các bạn trong lớp. - Công việc của cô bác trong trường. - Một ngày của bé ở trường MN - Mối quan hệ của bé với các bạn, các cô bác trong trường
MT 99	<i>- Trẻ có hiểu biết về một số nghề</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nghề phổ biến, gần gũi ở

	<i>phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.</i>	địa phương. - Tính chất công việc. - Sản phẩm của các nghề.
MT 100	<i>- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.</i>	- Nhận biết cờ tổ quốc. - Một số ngày lễ, ngày hội. - Các hoạt động.
MT 101	<i>- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.</i>	- Một số cảnh đẹp của Vịnh Hạ Long. - Một số di tích lịch sử của Hạ Long. - Một số di tích lịch sử của đất nước.
MT 102	<i>- Trẻ biết một số quy định giao thông đơn giản.</i>	- Một số quy định đơn giản khi tham gia giao thông. - Một số biển báo giao thông đơn giản.
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
MT 103	<i>- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 . - Đếm theo khả năng (đếm đúng trên đồ vật, đếm theo nhóm khác nhau, đếm theo các hướng, đếm các đối tượng không xếp thành hàng, thành dãy...)
MT 104	<i>- Trẻ nhận biết chữ số, số lượng, số thứ tự từ 1-5.</i>	- Đếm các nhóm có 5 đối tượng. - Nhận biết và sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng.
MT 105	<i>- Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</i>	- Đếm các nhóm đối tượng. - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT 106	<i>- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</i>	- Đếm các nhóm đối tượng. - Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả

	MT 107	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm thành 2 nhóm nhỏ hơn.
	MT 108	- Trẻ biết so sánh kích thước của 2, 3 đối tượng.	- So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2-3 đối tượng.
	MT 109	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1. - Ghép đôi. - Xếp theo qui tắc cho trước. - Tìm qui tắc sắp xếp của các vật dụng hàng ngày. - Tự xếp theo qui tắc nào đó và nói ra qui tắc
	MT 110	- Trẻ nhận biết được ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
	MT 111	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng và nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài - ngắn, rộng - hẹp, cao thấp của 1 vật (bằng 1 hoặc nhiều đơn vị đo). - Đo thể tích dung tích của một vật (bằng 1 hoặc nhiều đơn vị đo).
	MT 112	- Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa các hình.	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa các hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	MT 113	- Trẻ có thể chấp ghép các hình học để tạo thành hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	- Chấp ghép các hình học theo ý thích và theo yêu cầu tạo thành hình mới.
	MT 114	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí đồ vật so với bản thân - Xác định vị trí đồ vật so với người khác..
	MT 115	- Trẻ có thể mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối.
	ÂM NHẠC		
PHÁT TRIỂN	MT 116	- Trẻ biết thể hiện cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh	- Một số âm thanh của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong

THẨM MỸ		<i>gợi cảm.</i>	cuộc sống, các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, dân ca....). - Thể hiện cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh, các bài hát, bản nhạc.
	MT 117	<i>- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt..</i>	- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát phù hợp với lứa tuổi. - Thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.
	MT 118	<i>- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động minh họa,..)</i>	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích khi nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
	MT 119	<i>- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động, dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.</i>	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
TẠO HÌNH			
	MT 120	<i>- Trẻ biết thể hiện cảm xúc của mình khi ngắm nhìn các tác phẩm nghệ thuật.</i>	- Thể hiện cảm xúc của mình khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng; các tác phẩm tạo hình.
	MT 121	<i>- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý, theo ý thích.</i>	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý, theo ý thích.
	MT 122	<i>- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang để tạo thành bức tranh đơn giản.</i>	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang để tạo thành bức tranh đơn giản.
	MT 123	<i>- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, xiên, ngang, cong tròn để tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</i>	- Xé, cắt theo đường thẳng, xiên, ngang, cong tròn để tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.
	MT 124	<i>- Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi</i>	- Làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.

		<i>tiết.</i>	
	MT 125	<i>- Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.</i>	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
	MT 126	<i>- Trẻ biết nhận xét, các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</i>	- Nhận xét, các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
	MT 127	<i>- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm</i>	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm của bản thân.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2023- 2024
ĐỘ TUỔI : MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI

Stt	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian	Các sự kiện
1	Trường mầm non	4 Tuần	Từ ngày 9/9/2024 Đến 04/10/2024	-Ngày hội đến trường - Trung thu
2	Bản thân	3 Tuần	Từ ngày 07/10/2024 Đến 25/10/2024	
3	Gia đình	4 Tuần	Từ ngày 28/10/2024 Đến 22/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam.
4	Nghề nghiệp	4 Tuần	Từ ngày 25/11/2024 Đến 20/12/2024	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam
5	Thế giới động vật	3 Tuần	Từ ngày 23/12/2024 Đến 10/01/2024 (KTHK I)	
6	Tết - Mùa xuân	2 Tuần	Từ ngày 13/01/2025 Đến 24/01/2025	- Tết nguyên đán
<i>Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/2/2025</i>				
7	Thế giới thực vật	4 tuần	Từ ngày 10/02/2025 Đến 07/3/2025	
9	Phương tiện và quy định giao thông	3 Tuần	Từ ngày 10/3/2025 đến Đến 28/3/2025	
10	Nước và các hiện tượng tự nhiên	4 Tuần	Từ ngày 31/3/2025 Đến 25/4/2025	
11	Quê hương - đất nước - Bác Hồ	3 Tuần	Từ ngày 28/4/2025 Đến 16/5/2025	Ngày sinh nhật Bác
12	Trường tiểu học	1 Tuần	Từ ngày 19/5/2025 Đến 23/5/2025	

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 – 2024
ĐỘ TUỔI: 5- 6 TUỔI

LĨNH VỰC	MÃ HOÁ MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT1	<p><i>- Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</i></p> <p>+ Cân nặng:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg . Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg <p>+ Chiều cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm . Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ dinh dưỡng hợp lí. - Tổ chức khám sức khỏe định kì. - Cân đo và đánh giá trên biểu đồ tăng trưởng. - Đánh giá trạng thái dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng.
	MT2	<p><i>- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Các động tác phát triển hô hấp. + Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai. + Các động tác phát triển cơ bụng, lưng, lườn. + Các động tác phát triển cơ chân.
	MT3	<p><i>- Trẻ có thể giữ thăng bằng khi thực hiện vận động đi</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi trên ván kê dốc (2m x 0,3 m) + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi thay đổi tốc độ, hướng đích đặc theo hiệu lệnh
	MT4	<p><i>- Trẻ có thể đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS11)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi thăng bằng trên ghế thể dục.
	MT 5	<p><i>-Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 đến 7s. (CS12)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Chạy theo hướng thẳng trong khoảng 18m, hạn chế thời gian. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây.

MT 6	-Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	+ Chạy chậm khoảng 100 - 120m. + Chạy thay đổi tốc độ 150m theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi hướng 150m theo hiệu lệnh.
MT 7	-Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	+ Bật tách chân chụm chân. + Bật liên tục qua các vạch kẻ, qua các vòng. + Bật xa 40- 50cm. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô + Bật qua vật cản 15-20cm
MT 8	-Trẻ có thể: Nhảy xuống từ độ cao 40 cm.(CS2)	+ Nhảy từ trên cao 40 - 45cm xuống sàn.
MT 9	-Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	+ Nhảy lò cò 5m. + Nhảy lò cò theo yêu cầu của cô
MT 10	-Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo bò qua 5- 6 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	+ Bò bằng tay và bàn chân 4- 5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 15m x 0,6m.
MT 11	-Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.(CS4)	+Trườn kết hợp trèo lên xuống ghé thể dục. + Trèo lên, xuống liên tục 7 gióng thang (độ cao 1,5 m so với mặt đất)
MT 12	-Trẻ biết: Đập và bắt bóng bằng 2 tay.(CS10)	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. +Tung, bắt bóng bằng 2 tay. + Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay. + Chuyền, bắt bóng qua đầu qua chân + Tung đập bắt bóng tại chỗ
MT 13	-Trẻ biết: Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.(CS3)	+ Ném và bắt bóng với người đối diện. + Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân
MT 14	- Trẻ biết ném trúng đích thẳng đứng.	+ Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay.

		+ Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
MT 15	<i>Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30p.(CS14)</i>	+ Các hoạt động học
MT 16	<i>- Trẻ biết tự mặc và cởi được áo.(CS5)</i>	+ Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.
MT 17	<i>-Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.(CS6)</i>	+ Tô đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chòem ra ngoài hình vẽ. + Vẽ theo ý thích, theo yêu cầu. + Cầm bút đúng bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa.
MT 18	<i>- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.(CS8)</i>	+ Bẻ nắn, lắp ráp, xếp hình... + Xé dán..
MT 19	<i>- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(CS7)</i>	+ Cắt theo ý thích + Cắt theo yêu cầu.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG SỨC KHỎE:		
MT 20	<i>- Trẻ biết thực phẩm giàu chất đạm, vitamin và muối khoáng...</i>	+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT 21	<i>- Trẻ nói được tên 1 số món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.(CS19)</i>	+Thức ăn hàng ngày của bé. +Một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất
MT 22	<i>- Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.(CS20)</i>	+Nhận biết thực phẩm bẩn, sạch. - không ăn thức ăn có mùi lạ - Thức ăn phù hợp với thời tiết. - Một số thức ăn không có lợi cho sức khỏe - Từ chối thực phẩm không lành mạnh: hạn chế ăn uống thực phẩm và đồ uống có

		<p>đường; Hạn chế ăn thực phẩm chiên, xào, rán, nướng, + Thức ăn và sức khỏe (ăn nhiều mỡ, nhiều đường béo phì...)</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</p>
MT 22A (MTPCT)	Trẻ biết tên một số món ăn đặc sản của Thành phố Hạ long và giá trị dinh dưỡng của các món ăn đó.	<p>- Các món ăn hải sản</p> <p>- Giá trị dinh dưỡng</p>
MT 23	-Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.(CS15)	<p>+ Cách rửa tay bằng xà phòng</p> <p>+ Các đồ dùng cần thiết để rửa tay..</p> <p>+ Khu vực bé đi vệ sinh trong lớp, trong trường.</p> <p>+ Bé nên rửa tay khi nào?</p>
MT 24	- Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.(CS16)	<p>+ Cách bé đánh răng, rửa mặt.</p> <p>+ Những đồ dùng cần thiết để bé đánh răng, rửa mặt.</p> <p>+ Bé đánh răng rửa mặt khi nào?</p>
MT 25	- Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.(CS17)	<p>+ Một số hành vi văn minh nơi công cộng..</p> <p>+ Một số hành vi văn minh trong ăn, uống.</p>
MT 26	- Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.(CS18)	+ Cách bé giữ quần áo, đầu tóc gọn gàng.
MT 27	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	<p>+ Đi vệ sinh đúng cách.</p> <p>+ Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p>
MT 28	- Trẻ có một số thói quen, hành vi tốt trong ăn uống và vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe.	<p>+ Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường..</p> <p>+ Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp.</p> <p>+ Lợi ích của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>+ Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân, cách phòng tránh</p>
MT 28A	Trẻ thực hiện được một số hành vi	- Thói quen mặc đồ bơi khi đi

	(MT PT chương trình)	<i>thói quen đảm bảo an toàn cho bản thân về phòng chống đuối nước (MTPT chương trình)</i>	tắm biển, cần có người lớn đi cùng, không chơi gần ao hồ, sông suối.
	MT 29	-Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.(CS21)	+ Một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (phích nước, ổ cắm, dao, cành cây...)
	MT 30	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.(CS22)	+ Một số việc gây nguy hiểm với bé.
	MT 31	- Trẻ biết tránh những vật dụng nguy hiểm, không chơi ở những nơi mất vệ sinh.(CS23)	+ Tìm hiểu một số khu vực có thể gây nguy hiểm (nhà đang xây, đường lầy lội ngập nước, dưới lòng đường, ao hồ) + Nhận biết một số nơi mất vệ sinh(hồ rác, chợ bán gia cầm..)
	MT 32	+ Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.(CS26)	+ Nhận biết biển cấm hút thuốc + Tác hại của thuốc lá với sức khỏe của con người.
	MT 33	+Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.(CS24)	+ Tìm hiểu các tình huống khi được người lạ cho quà khi không được bố mẹ, cô giáo cho phép.
	MT 34	+ Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.CS25)	+ Các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra (cháy, bị khóa trái trong nhà... + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
	MT 35	- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (CS27)	+Tên, tuổi, giới tính, sở thích + Địa chỉ gia đình +Tên bố mẹ và một số thành viên trong gia đình. + Số điện thoại của bố mẹ.
PHÁT TRIỂN	MT 36	- Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.(CS28)	+ Sở thích, khả năng của bản thân. + Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. +Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học

TÌNH CẢM KĨ NĂNG XÃ HỘI			+ Quần áo phù hợp với giới tính của bản thân trẻ. +Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. +Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn gái. +Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn trai.
	MT 36A (MTPPTCT)	Trẻ biết bảo vệ bản thân khi có nguy cơ bị xâm hại	- Quy tắc đồ bơi - Quy tắc 5 ngón tay - Quy tắc 4 vòng tròn - Hành động và phản ứng khi cơ thể bị xâm hại. - Cách thoát khỏi nguy cơ bị xâm hại.
	MT 37	- Trẻ nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân (CS29)	+ Nói được điều bé thích, không thích. Những việc bé làm được và không làm được. + Khả năng của bé. + Sở thích của bé
	MT 38	- Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.(CS30)	+ Những trò chơi bé thích.
	MT 39	- Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(CS34)	+ Ước mơ của bé. + Những việc bé thích.
	MT 40	- Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)	+Nói được mình có điểm gì giống và khác các bạn.(Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) + Các bạn trong lớp và bé. +Các bạn ở những vùng miền khác nhau.
	MT 41	- Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.(CS33)	+Tự làm một số công việc hàng ngày (Vệ sinh cá nhân , trực nhật, chơi..). +Công việc ở nhà của bé. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
	MT 42	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.(CS31)	+ Bé với công việc được giao. + Cố gắng tự hoàn thành công

		việc được giao.
MT 43	- Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.(CS35)	+ Các xúc cảm của bé và người khác trên khuôn mặt (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua nét mặt , cử chỉ giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc ..
MT 44	-Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	+Lời nói của bé khi bé:Vui, buồn, sợ hãi... + Gương mặt của bé, hành động của bé khi vui, buồn (sợ hãi....)
MT45	Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân , bạn bè.(CS37)	+ Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác +Hành động của bé khi bạn buồn, bạn ốm. + Hành động của bé trong ngày sinh nhật Bạn,khi bạn chiến thắng
MT 46	- Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(CS38)	+ Lời nói của bé khi đứng trước cảnh đẹp thiên nhiên, bức tranh đẹp, trang phục đẹp, các con vật.. + Hành động, điệu bộ, cử chỉ của bé trước cái đẹp.
MT 47	- Trẻ biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc,(CS32)	+Phấn khởi khi làm xong tác phẩm. Nâng niu, ngắm nghía, biết giữ gìn sản phẩm của mình. Khoe về sản phẩm của mình với người khác.
MT 48	- Trẻ biết kiểm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS41)	+ Kể chuyện cho bạn nghe về vui, buồn của mình. + Sẵn sàng trao đổi hướng dẫn bạn cùng nhóm. + Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT 49	-Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.	+ Quê Bác + Nhà sàn Bác Hồ + Lăng Bác Hồ...
MT 50	-Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện...về Bác.	+ Một số bài thơ, câu chuyện về Bác. + Hát các bài hát về Bác.
MT 51	-Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích văn hóa... của địa phương,	+ Cảnh đẹp của thành phố Hạ Long.(Vịnh Hạ Long,Núi bài thơ)

	<i>quê hương, đất nước</i>	+ Di tích lịch sử: (Bãi cọc Bạch Đằng,) + Ngày lễ hội ở nơi bé đang sống(Lễ hội Yên tử, Lễ hội Chùa Long Tiên...)
PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG XÃ HỘI		
MT 52	<i>-Trẻ thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.</i>	+ Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải đường. + Qui tắc ứng xử trong gia đình. Quy tắc ứng xử “ Nụ cười Hạ Long” (Văn minh Thân thiện) + Hành vi văn minh nơi công cộng
MT53	<i>-Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.(CS43)</i>	+ Thái độ và hành động của bé khi giao tiếp với các bạn và người lớn.
MT54	<i>-Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn</i>	+ Một số công việc trẻ được giao trong trường lớp mầm non
MT 55	<i>- Trẻ biết đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)</i>	+ Hành động của bé khi người khác đang nói.
MT 56	<i>- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.(CS73)</i>	+ Cường độ giọng của bé khi giao tiếp (không quá to, không nói lí nhí, nói nhỏ trong giờ ngủ, nói ở nơi công cộng, không nói to....) + Hành động của bé khi người khác đang nói.
MT 57	<i>- Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)</i>	+ Những hành động của bé khi không hiểu người khác nói. + Những câu bé sử dụng phù hợp với tình huống: cảm ơn, xin lỗi....
MT 58	<i>- Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)</i>	+ Những câu chào hỏi phù hợp với đối tượng hoàn cảnh.

	MT 59	- Trẻ không nói tục, chửi bậy. (CS78)	+ Bé với những câu nói văn minh lịch sự. + Thái độ của bé với những lời nói thô tục.
	MT 60	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	+ Chú ý nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. + Thái độ, hành động của bé khi nghe người khác nói. + Hành động của bé khi muốn phát biểu ý kiến. + Bé làm gì khi người khác đang nói
	MT 61	-Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.(CS46)	+ Các bạn hay chơi cùng trẻ. + Các bạn mà bé thích chơi cùng.
	MT 62	- Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn;	+ Mối quan hệ của bé với người lớn. + Mối quan hệ của bé với bạn bè
	MT 63	-Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	+Thái độ của bé với nhiệm vụ được giao cùng bạn; người lớn.
	MT 64	-Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.(CS47)	+Thái độ và hành vi của bé trong các tình huống yêu cầu chờ đến lượt.
	MT65	- Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	+ Bé và các sự kiện được tổ chức trong nhóm, lớp. + Thái độ và hành động của bé khi được giao nhiệm vụ.
	MT 66	- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	+ Bé chia sẻ với các bạn về chuyện vui, buồn của mình. + Bé chia sẻ đồ chơi với các bạn.
	MT 67	-Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.(CS45)	+ Những việc bé làm khi bạn của bé gặp khó khăn, cần giúp đỡ
	MT 68	- Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.(CS42)	+Thái độ của các bạn trong nhóm chơi đối với bé. + Bé chơi với các bạn trong nhóm.

	MT 69	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.(CS 49)	+ ý kiến của bé trước một sự kiện. + Bé chia sẻ những gì khi chơi với các bạn.
	MT 70	- Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	+ Bé làm gì để giải quyết mâu thuẫn với bạn. + Bé chơi với các bạn của bé.
	MT 71	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.(CS53)	+ Hành động, lời nói của bé khi bạn vui, buồn. + Những việc làm của bé khiến cho người khác vui (buồn)?
	MT 72	- Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	+ Thái độ, hành động, lời nói của bé khi cần sự giúp đỡ của người lớn.
	MT 73	- Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.(CS58)	+ Bé biết gì về bạn bè trong lớp. + Bé tìm hiểu (quan tâm) khả năng, sở thích của người thân trong gia đình.
	MT 74	- Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	+ Ý kiến của bé trước sự không công bằng. + Cách của bé để tạo lại sự công bằng. + Mong muốn của bé về sự công bằng
	MT 75	- Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.(CS40)	+ Một số hành vi văn minh nơi công cộng (đi nhẹ khi người ốm...) + Bé trong giờ học. + Bé với các sự kiện vui tổ chức ở nhà, ở trường, các lễ hội. + Bé với những sự kiện buồn ở trường ở nhà.
	MT 76	- Trẻ thích chăm sóc cây cối .con vật nuôi quen thuộc.(CS39)	+ Cách chăm sóc, cây cối con vật... + Thái độ, lời nói của bé khi thấy con vật bị đau cây cối bị gãy...
	MT 77	- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.(CS56)	+ Hành vi đúng sai với môi trường xung quanh. + Thái độ của bé trước những hành vi đúng và sai đối với môi trường.

			+ Nhắc nhở người khác giữ gìn , bảo vệ môi trường(Không xả rác bừa bãi, bẻ cành hái hoa..)
	MT 78	<i>-Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)</i>	+ Bé với những hành động bảo vệ môi trường: + Tắt điện khi ra khỏi phòng. + Tiết kiệm điện nước. + Bỏ rác đúng nơi qui định. + Chăm sóc vật nuôi cây trồng.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE		
	MT 79	<i>- Trẻ nghe và hiểu, thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động.(CS62)</i>	+Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. + Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp. + Thực hiện các yêu cầu của cô, của người lớn và các bạn trong các hoạt động.
	MT 80	<i>- Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi.(CS 63)</i>	+Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. +Quan sát, được nghe tên gọi các sự vật và hiện tượng gần gũi đơn giản
	MT 81	<i>- Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(CS61)</i>	+ Nghe âm thanh trong cuộc sống hàng ngày. + Nghe các giọng nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
	MT 82	<i>- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện,thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)</i>	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể , truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Nghe truyện, thơ, đồng dao, ca dao theo nhiều cách khác nhau (nghe trên đài, nghe cô đọc, nghe các bạn đọc.....) + Nghe các bài hát, bài thơ , ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố hò vè phù hợp với độ tuổi. + Trò chuyện, trao đổi về nội dung truyện, thơ, đồng dao,ca dao mà trẻ được nghe.
	MT83	<i>-Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</i>	+ Nghe người khác nói và đáp lại bằng lời nói phù hợp.

PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI		
MT 84	- Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65)	<p>+Phát âm chuẩn các chữ cái trong bảng chữ cái. (Sử dụng bộ phát âm tiếng Việt).</p> <p>+ Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu khi trình bày các tác phẩm văn học hay trình bày ý kiến của bản thân</p> <p>+ Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe.</p>
MT 85	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.(CS66)	<p>+Danh từ, động từ, tính từ...phù hợp với câu nói.</p> <p>+Từ láy, từ cảm thán phù hợp với ngữ cảnh và câu nói mà trẻ truyền đạt (VD: Ô tô nhà bạn Lan đẹp ơi là đẹp!)</p> <p>+ Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng .</p>
MT 86	- Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	<p>+Bày tỏ tình cảm , nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng dễ hiểu bằng câu đơn, câu ghép khác nhau.</p> <p>+ Câu hỏi, câu cầu khiến, câu khẳng định, phủ định?</p> <p>+ Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào?</p>
MT 87	- Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân.(CS68)	<p>+ Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng nào đó khi được người lớn yêu cầu.</p> <p>+ Thương tuyệt, và thuyết phục người lớn, bạn bè khi có yêu cầu mong muốn nào đó.</p> <p>+ Thuyết trình ý tưởng, phát biểu cảm nghĩ các tác phẩm nghệ thuật, đồ vật của bản thân, với người gần gũi...</p>
MT 88	- Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	<p>+ Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng.</p> <p>+ Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu,</p>

		hoàn cảnh giao tiếp. + Hướng dẫn các bạn trong trò chơi và trong các hoạt động.
MT 89	<i>-Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.(CS77)</i>	+ Bé sử dụng từ : cảm ơn, xin lỗi khi nào?
MT 90	<i>-Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.(CS70)</i>	+ Kể chuyện tự do. + Thuyết trình + Hùng biện.
MT 91	<i>- Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS71)</i>	+ Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự quen thuộc theo cách khác nhau. + Kể chuyện theo chủ đề tự chọn + Kể chuyện đã được nghe có sự giúp đỡ.
MT92	<i>- Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện(CS72)</i>	+ Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác. + Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi) + Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT 93	<i>-Trẻ biết kể chuyện theo tranh.</i>	+ Kỹ năng kể lại chuyện theo đồ vật, theo tranh.
MT 94	<i>- Trẻ thích đóng vai các nhân vật trong truyện.(CS85)</i>	+ Kỹ năng kể chuyện diễn cảm, đóng kịch.
MT 95	<i>-Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.(CS120)</i>	+ Đặt tên mới cho câu chuyện + Kể chuyện sáng tạo
LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC VÀ VIẾT:		
MT 96	<i>- Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.(CS79)</i>	+ Quan sát, phát hiện chữ cái ở môi trường xung quanh + Đọc chữ cái trên sách, báo, vở các sản phẩm yêu thích, trên tranh ảnh... + Nhận dạng các chữ cái. + Làm quen với vần, với âm

	MT 97	- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách (CS80)	+ Suu tâm các loại sách truyện. + Tham gia hào hứng vào góc sách truyện, đọc sách truyện theo ý thích.
	MT 98	- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS81)	+ Thái độ , hành vi của trẻ khi giờ sách, cất sách..
	MT 99	- Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	+Nhận biết các kí hiệu của bản thân: Khăn mặt, ngăn tủ đựng đồ, cốc uống nước,... + Nhận biết các kí hiệu về thời tiết. + Nhận biết một số biển báo giao thông đơn giản, quen thuộc. + Nhận biết nhãn hàng hóa quen thuộc. + Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
	MT 100	- Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.(CS83)	+ Phân biệt chiều xuôi, ngược của sách + Giở sách lần lượt từ trang đầu đến trang cuối. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT 101	- Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết.(CS84)	+ Đọc truyện đã biết nội dung trẻ đọc phù hợp với các hình ảnh trong tranh. + Đọc tên câu truyện dựa vào trang bìa của chuyện. + “ Đọc” truyện qua tranh vẽ
	MT 102	- Trẻ biết chữ viết có thể đọc và	+ Đoán được các dòng chữ trên

	<i>thay cho lời nói.(CS86)</i>	<p>các thiệp chúc mừng có hình ảnh minh họa (chúc mừng năm mới...)</p> <p>+ Đoán được nội dung của các dòng chữ trong các nhãn hàng quảng cáo quen thuộc...</p>
MT 103	<i>- Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)</i>	<p>+ Nhận biết phân biệt các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.</p> <p>+ Nhận biết các chữ cái trong sinh hoạt và trong các hoạt động hàng ngày.</p> <p>+ Phân biệt chữ cái và chữ số.</p>
MT 104	<i>- Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)</i>	+ Ghi các biểu tượng trong các hoạt động (biểu tượng thời tiết trong ngày, việc trẻ muốn làm trong ngày, kí hiệu theo dõi, quan sát thí nghiệm...)
MT 105	<i>- Trẻ thích bắt chước hành vi và sao chép từ, chữ cái.(CS88)</i>	<p>+ Tô chữ, đồ chữ, cắt, dán chữ, sao chép tên.</p> <p>+ Xếp hình chữ bằng nhiều nguyên vật liệu khác nhau.</p>
MT106	<i>- Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.(CS89)</i>	<p>+ Viết tên trong các sản phẩm tạo hình.</p> <p>+ Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân.</p>
MT107	<i>- Viết tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.(CS90)</i>	<p>+ Cầm bút, ngồi học đúng tư thế.</p> <p>+ Vẽ dạng hình tròn theo chiều từ trái sang phải.</p> <p>+ Tập tô chữ, đồ chữ, xếp chữ theo chiều từ trái sang phải từ trên xuống dưới.</p>
<i>KHÁM PHÁ KHOA HỌC</i>		
MT 108	<i>- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.</i>	+ Tô mò, tìm tòi khám phá các sự vật xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			+ Tìm hiểu các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể con người (<i>tên gọi, cấu tạo, chức năng...</i>) +Tìm hiểu bản thân (<i>sự thay đổi, lớn lên của bản thân,.....</i>) +Phân biệt giới tính của bản thân với các bạn.
	MT 109	+Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng	+Tên gọi, đặc điểm, cách sử dụng, cách tạo ra một số đồ dùng thông thường, đồ chơi của bé. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 -3 dấu hiệu.
	MT 110	Trẻ có một số hiểu biết về phương tiện, giao thông gần gũi . (CS96)	+Tên gọi, đặc điểm, cách sử dụng, cách tham gia một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
	MT 111	- Trẻ biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
	MT 112	-Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật. (CS 93)	+Phối hợp các giác quan để quan sát , xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét , lá hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của các đối tượng. + So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số con vật, cây, hoa quả. + Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối con vật.

	MT 113	<i>- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94)</i>	+Tìm hiểu các mùa trong năm. + Quan sát thời tiết, và dự đoán một số hiện tượng thời tiết. + Tìm hiểu sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. +Tìm hiểu, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời và các vì sao.
	MT 114	<i>-Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS95)</i>	+Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. +Tìm hiểu, khám phá một số hiện tượng tự nhiên (gió, mưa, bão,) + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	MT 115	<i>-Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)</i>	+ Chủ động đưa ra câu hỏi trong các hoạt động.
	MT 116	<i>-Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)</i>	+ Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	MT 117	<i>- Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.(CS114)</i>	+Vòng đời phát triển của con vật, cây cối. + Các hiện tượng tự nhiên.
	MT 118	<i>-Trẻ biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (CS118)</i>	Trẻ có một trong những biểu hiện sau : -Không bắt trước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác

		<p>-Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn</p> <p>- Thực hiện 1 số công việc theo cách mình nghĩ đạt hiệu quả cao.</p>
MT 119	-Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau; (CS119)	<p>Trẻ có một trong những biểu hiện sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi -Xây dựng các “ công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh họa/ múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.. - Khuyến khích trẻ tham gia, sáng tạo vào trò chơi
<i>KHÁM PHÁ XÃ HỘI</i>		
MT 120	- Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.(CS 97)	<ul style="list-style-type: none"> + Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng + Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. + Quan sát lớp học, trường mầm non, đơn vị bộ đội... + Tham quan chùa Thư viện, Viện Bảo Tàng.... + Tìm hiểu những đặc điểm nổi bật của trường mầm non, lớp mầm non, (Tên trường, tên lớp, địa điểm, các phòng học, các khu vực trong trường....) + Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
		+ Khám phá, tìm hiểu tên gọi,

	MT 121	- Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.(CS98)	dụng cụ của nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Tìm hiểu các công việc, sản phẩm và ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Tập đóng vai một số nghề phổ biến quen thuộc.
	MT 122	-Trẻ có những hiểu biết về những qui định giao thông đơn giản	+ Một số qui định giao thông
	MT123	-Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. “ Ngày Quốc Khánh 2/9” + Kể tên và nêu một nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.(Khám phá vịnh Hạ Long, chùa Long Tiên, núi Bài Thơ, đền Quan Sơn. Thủ đô Hà Nội, qua các hoạt động)
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN			
	MT 124	Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.(CS104)	+ Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 + Đếm trên trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng (đếm đúng trên đồ vật, đếm theo nhóm khác nhau, đếm theo các hướng, đếm các đối tượng không xếp thành hàng, thành dãy...) + Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. + Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại biển số xe, 113, 114, 115...)
	MT 125	- Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2	+ So sánh 2, 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.

	<i>cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105)</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm. + Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 thành 2 phần bằng các cách. + So sánh kích thước của 2, 3 đối tượng.
MT 126	<i>- Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Phân loại các nhóm đối tượng theo đặc điểm dấu hiệu. + Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
MT 127	<i>-Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116)</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. + Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. + Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
MT 128	<i>- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng được dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. + Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. + Đo độ dài các vật bằng một đơn vị nào đó. So sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo thể tích, dung tích các vật bằng 1 đơn vị đo nào đó. So sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT 129	<i>-Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)</i>	<ul style="list-style-type: none"> + Quan sát các khối: Khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật trong môi trường xung quanh trẻ. +Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau , khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. + Phân biệt các khối theo đặc điểm tính chất. Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. +Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Tạo ra một số hình hình học

			bằng các cách khác nhau.
MT 130	- Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (CS 108)		+ Phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía trái - phía phải của bản thân. + Phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía trái - phía phải của người khác. + Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía trái - phía phải so với bản thân và so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 131	- Trẻ gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. (CS109)		+ Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. + Nhận biết ngày hôm qua, hôm nay ngày mai. + Tên các thứ trong tuần (thứ 2 ... Chủ nhật) + Tên các thứ trong tuần theo trình tự (thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, thứ 7, chủ nhật.) + Tên các ngày đi học và các ngày được nghỉ học; Một số công việc thường làm với thứ 2, thứ 3 và với thứ 7, chủ nhật....
MT 132	- Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)		+ Nhận biết sáng, trưa, chiều tối. + Công việc của hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai
MT 133	+ Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. (CS111)		+ Quan sát, tìm hiểu các chữ số trên lịch, và ý nghĩa của chúng. + Quan sát, tìm hiểu, gọi tên các chữ số trên giờ, + Tìm hiểu, làm quen với cách xem giờ của một số loại đồng hồ.
ÂM NHẠC			
MT 134	- Trẻ có thể nhận ra sắc thái vui	- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ	

	<i>buồn của bài hát, bản nhạc.(CS99)</i>	<i>đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</i> + Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (Hát theo nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc +Lắng nghe âm thanh trong thiên nhiên, trong cuộc sống. + Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)
MT 135	<i>- Trẻ biết hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em. (CS 100)</i>	+ Xướng âm 7 nốt nhạc cơ bản. + Hát đúng lời ca của các bài hát phù hợp với lứa tuổi. + Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.
MT 136	<i>- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)</i>	+ Nghe và nhận ra sắc thái (vui buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng được các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu + Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát bản nhạc + Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
MT 137	<i>-Trẻ có thể đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu, hoặc 1 đoạn).(CS117)</i>	+ Đặt tên cho bài hát khi chưa được biết tên theo yêu cầu của cô. + Đặt tên mới cho bài hát quen thuộc.
TẠO HÌNH		
MT 138	<i>-Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(CS102)</i>	+ Lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. + Quan sát các tác phẩm nghệ thuật được tạo nên từ các nguyên vật liệu khác nhau. + Làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu phế thải dưới sự hướng dẫn của người lớn + Làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.
MT 139	<i>-Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình khác nhau để tạo thành sản phẩm.</i>	+ Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm + Phối hợp các các kỹ năng vẽ, nặn,cắt, xé

		<p>dán, xếp hình .</p> <p>+ Phối hợp màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.</p>
MT 140	<p><i>- Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.</i></p> <p><i>(CS 103)</i></p>	<p>+ Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc , hình dáng, bố cục</p> <p>+ Nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của các bạn.</p> <p>+ Chơi với các sản phẩm làm từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.</p> <p>Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>+ Làm đồ chơi theo ý thích bằng các nguyên vật liệu tự chọn.</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm.</p>